

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 44/2013/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 07 tháng 11 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế
và cán bộ, công chức tỉnh Thừa Thiên Huế**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ quy định những người là công chức;

Căn cứ Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội;

Căn cứ Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức;

Căn cứ Nghị định số 34/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật đối với cán bộ công chức;

Căn cứ Nghị định số 66/2011/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ quy định việc áp dụng Luật Cán bộ, công chức đối với chức danh lãnh đạo, quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và người được cử làm đại diện chủ sở hữu phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 27/2003/QĐ-TTg ngày 19 tháng 02 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ, công chức lãnh đạo;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký và bãi bỏ các văn bản: Công văn số 1076/UBND-NV ngày 19 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc hướng dẫn tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức; Công văn số 1078/UBND-NV ngày 19 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc hướng dẫn lập kế hoạch và cử công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng; những nội dung liên quan đến cán bộ, công chức tại Quyết định số 2827/2008/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức, quản lý cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế; Chủ tịch các doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu; Chủ tịch Hội đồng quản trị các doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước; Chủ tịch các hội được Nhà nước giao biên chế và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Cao

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức tỉnh Thừa Thiên Huế
(Ban hành kèm theo Quyết định số 44/2013/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2013
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này áp dụng trong việc phân công, phân cấp và uỷ quyền quản lý về tổ chức bộ máy, biên chế và quản lý cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Đối tượng áp dụng, gồm:

a) Các cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế (sau đây gọi chung là cấp huyện); các cơ quan hành chính nhà nước (gồm: Phòng, ban chuyên môn, chi cục thuộc sở); các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các sở, ngành; các tổ chức hội; các doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu, các doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước trực thuộc tỉnh.

b) Cán bộ, công chức trong cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện.

c) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh được nhà nước quy định là công chức.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý

1. Quản lý về tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức được thực hiện trên cơ sở chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý tổ chức bộ máy, đội ngũ công chức, viên chức trong phạm vi toàn tỉnh, nhưng có sự phân công, phân cấp về trách nhiệm, quyền hạn quản lý cho các ngành, các cấp; thường xuyên thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các công tác được phân công, phân cấp quản lý của các ngành, các cấp.

3. Đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể quyết định đi đôi với thực hiện đầy đủ trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu trong công tác quản lý.

4. Việc tuyển dụng, sử dụng, đánh giá, phân loại cán bộ, công chức phải căn cứ vào phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Nội dung quản lý

1. Về tổ chức bộ máy, biên chế:

a) Thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên các cơ quan chuyên môn và tương đương trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện; các tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện; các đơn vị, tổ chức hành chính, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở và tương đương; các tổ chức hội, các tổ chức phi chính phủ và các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cấp huyện.

b) Xây dựng kế hoạch biên chế công chức.

2. Về cán bộ, công chức:

a) Tuyển dụng, bổ nhiệm vào ngạch công chức; thi nâng ngạch.

b) Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cho từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, nghỉ hưu, thôi việc, tiền lương, khen thưởng, kỷ luật.

c) Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

d) Đánh giá, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức.

Chương II

CÔNG TÁC TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ

Điều 4. Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Trình đề án thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Nội vụ thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập, gồm:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện theo quy định của pháp luật).

c) Các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, đổi tên phòng chuyên môn thuộc sở.

4. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn và tương đương; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các chi cục và tương đương thuộc sở.

5. Trình Hội đồng nhân dân tỉnh kế hoạch biên chế công chức và triển khai thực hiện sau khi có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 5. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Quyết định thành lập, kiện toàn, giải thể các tổ chức tư vấn phối hợp liên ngành cấp tỉnh, gồm: Hội đồng, Ban chỉ đạo, Ban quản lý dự án, Ban điều hành, Câu lạc bộ...

2. Quyết định xếp hạng các doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu; các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định chuyển đổi, sắp xếp và phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động các doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

4. Quyết định cho phép thành lập; chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; giải thể; đổi tên và phê duyệt điều lệ hội và tổ chức phi chính phủ theo quy định của pháp luật.

5. Quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập; chia, tách; sáp nhập; giải thể; chuyển đổi loại hình các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

6. Quyết định giao chỉ tiêu biên chế công chức cho các đơn vị sau khi có nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 6. Nhiệm vụ và thẩm quyền của Giám đốc Sở Nội vụ

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng đề án thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Chủ trì trong việc thẩm định đề án thành lập, tổ chức lại, giải thể, đổi tên, xếp hạng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở và tương đương, các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, trình UBND tỉnh quyết định.

3. Thẩm định hồ sơ xin phép thành lập; chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; giải thể; đổi tên và phê duyệt điều lệ hội và tổ chức phi chính phủ theo quy định của pháp luật, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

4. Thẩm định quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các phòng chuyên môn và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở và tương đương (trừ các chi cục và tương đương thuộc sở).

5. Hướng dẫn các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch biên chế công chức, biên chế lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp; xây dựng kế hoạch biên chế công chức trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và gửi Bộ Nội vụ theo quy định.

6. Quyết định giao chỉ tiêu biên chế công chức cho các đơn vị sau khi có quyết định phân bổ biên chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Quyết định giao bổ sung biên chế công chức cho các đơn vị trong tổng biên chế dự phòng sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ.

8. Thực hiện chế độ thông kê, báo cáo về tình hình quản lý biên chế công chức theo quy định của Bộ Nội vụ.

9. Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tổ chức bộ máy và biên chế công chức đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

Điều 7. Nhiệm vụ và thẩm quyền của thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh (gọi chung là Giám đốc sở)

1. Chủ trì, xây dựng đề án thành lập, tổ chức lại, giải thể các phòng, ban chuyên môn thuộc sở, các tổ chức trực thuộc theo quy định của pháp luật gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của các phòng chuyên môn và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc (trừ các chi cục và tương đương thuộc sở) trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Trung ương và nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

3. Xây dựng kế hoạch biên chế công chức của cơ quan, đơn vị trực thuộc gửi Sở Nội vụ (trước ngày 20 tháng 6 hàng năm) để thẩm định, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, báo cáo Bộ Nội vụ (trước ngày 20 tháng 7 hàng năm).

4. Phân bổ biên chế công chức cho các phòng, ban chuyên môn thuộc sở; các tổ chức hành chính nhà nước trực thuộc sở (nếu có); thực hiện chế độ thống kê, báo cáo định kỳ 6 tháng, năm về tình hình quản lý và sử dụng biên chế công chức gửi Sở Nội vụ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, chỉ đạo.

Trường hợp cơ quan, đơn vị có thay đổi về tổ chức bộ máy như: Thành lập; tổ chức lại; giải thể; sáp nhập, chia tách hoặc do điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính hoặc điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền quyết định, thì xây dựng đề án điều chỉnh biên chế công chức gửi Sở Nội vụ tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và báo cáo Bộ Nội vụ xin bổ sung biên chế.

Điều 8. Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy các phòng chuyên môn và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Trung ương và nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

2. Quyết định thành lập (đối với trường công lập) hoặc cho phép thành lập (đối với trường ngoài công lập); chia, tách; sáp nhập; đình chỉ hoạt động; giải thể cơ sở giáo dục từ cấp trung học cơ sở trở xuống, trung tâm học tập cộng đồng và các cơ sở giáo dục công lập khác (nếu có) thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện (bao gồm cả các cơ sở giáo dục có sự tham gia đầu tư của các tổ chức, cá nhân nước ngoài).

3. Ủy ban nhân dân thành phố Huế quyết định thành lập; sáp nhập; giải thể; các đơn vị sự nghiệp hoạt động dịch vụ trực thuộc, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao; phù hợp với phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tự đảm bảo kinh phí hoạt động theo Quyết định số 11/2008/QĐ-TTg ngày 16/11/2008 của Thủ tướng Chính phủ về một số cơ chế, chính sách đặc thù trong quản lý, phát triển kinh tế - xã hội đối với thành phố Huế (đô thị loại 1) trực thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 9. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Quyết định thành lập; kiện toàn; giải thể các tổ chức tư vấn phối hợp liên ngành cấp huyện, gồm: Hội đồng, Ban chỉ đạo, Ban quản lý dự án, Ban điều hành, Câu lạc bộ...

2. Quyết định cho phép thành lập, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên, giải thể và phê duyệt điều lệ Hội cấp phường, xã.

3. Xây dựng kế hoạch biên chế công chức của phòng, ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi Sở Nội vụ (trước ngày 20 tháng 6 hàng năm) để thẩm định, tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, báo cáo Bộ Nội vụ (trước ngày 20 tháng 7 hàng năm).

4. Phân bổ biên chế công chức cho các phòng, ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; thực hiện chế độ thống kê, báo cáo định kỳ 6 tháng, năm về tình hình quản lý và sử dụng biên chế công chức gửi Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương III

CÔNG TÁC QUY HOẠCH, BỔ NHIỆM, BỔ NHIỆM LẠI, TỪ CHỨC, MIỄN NHIỆM CÁN BỘ, CÔNG CHỨC LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ

Điều 10. Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh

Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp quản lý cán bộ lãnh đạo, quản lý giữ các chức danh:

1. Cấp trưởng, cấp phó các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (trừ các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý);
2. Cấp trưởng các chi cục, đơn vị sự nghiệp thuộc sở do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập (trừ cấp trưởng các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo);
3. Cấp phó một số chi cục, đơn vị sự nghiệp do Trung ương quy định thuộc thẩm quyền quản lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
4. Chủ tịch công ty, kiểm soát viên và các chức danh khác theo quy định hiện hành của doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.
5. Người được cử làm đại diện chủ sở hữu phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước;
6. Chủ tịch, Phó Chủ tịch là biên chế nhà nước của các hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh.

Điều 11. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Quyết định bổ nhiệm (kể cả cử quyền và phụ trách cơ quan, đơn vị), bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức đối với Giám đốc, Phó Giám đốc sở và tương đương, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (sau khi có ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy), và các chức danh quy định tại Khoản 1 đến Khoản 4, Điều 10 của Quy định này.
2. Quyết định cử người làm đại diện chủ sở hữu phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước.
3. Quyết định phê chuẩn kết quả bầu cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên Ủy ban nhân dân cấp huyện; điều động, đình chỉ công tác, miễn nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.
4. Có ý kiến bằng văn bản đề Chủ tịch các doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các chức danh khác theo quy định hiện hành của doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 12. Nhiệm vụ và thẩm quyền của Giám đốc Sở Nội vụ

1. Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy, các cơ quan, tổ chức có liên quan thẩm định và góp ý kiến vào phương án hoặc đề án quy hoạch cán bộ của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các chức danh lãnh đạo thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (có sự tham gia của Ban Tổ chức Tỉnh ủy) và các chức danh quy định tại Khoản 1 đến Khoản 4, Điều 10 của Quy định này.

3. Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cho từ chức, miễn nhiệm đối với các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (sau khi có ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy) và các chức danh quy định tại Khoản 1 đến Khoản 4, Điều 10 của Quy định này.

4. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ đối với các chức danh được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Giám đốc các sở, thủ trưởng các cơ quan tương đương sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

Điều 13. Nhiệm vụ và thẩm quyền của Giám đốc sở

1. Xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc quyền quản lý theo đúng quy trình hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương và Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

2. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý (trừ các chức danh quy định tại Điều 10 của Quy định này). Riêng việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm Chánh Thanh tra sở thực hiện theo quy định của Luật Thanh tra.

Điều 14. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ, lãnh đạo, quản lý thuộc quyền quản lý theo đúng quy trình hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương và Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

2. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ, lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý. Riêng việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm Chánh Thanh tra cấp huyện thực hiện theo quy định của Luật Thanh tra.

Chương IV

CÔNG TÁC TUYỂN DỤNG, SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ CÔNG CHỨC

Điều 15. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Phê duyệt kế hoạch tuyển dụng công chức; kế hoạch thi nâng ngạch từ nhân viên lên cán sự và tương đương; từ nhân viên, cán sự và tương đương lên chuyên viên và tương đương; công nhận kết quả tuyển dụng công chức; kết quả thi nâng ngạch theo đề nghị của Hội đồng tuyển dụng và Hội đồng thi nâng ngạch.

2. Quyết định cử cán bộ, công chức tham dự kỳ thi nâng ngạch chuyên viên chính và tương đương trở lên; quyết định bổ nhiệm ngạch thanh tra viên.

3. Quyết định chuyển ngạch, nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung đối với công chức lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

4. Quyết định tiếp nhận, điều động, biệt phái, luân chuyển, thôi việc, nghỉ hưu đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

5. Quyết định tiếp nhận, điều động, biệt phái, luân chuyển, thôi việc, nghỉ hưu đối với cán bộ, công chức thuộc diện Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý sau khi có văn bản đồng ý của Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Quyết định việc khen thưởng, kỷ luật đối với công chức thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 16. Nhiệm vụ và thẩm quyền của Giám đốc Sở Nội vụ

1. Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định điều động, tiếp nhận, biệt phái, luân chuyển, nghỉ hưu, thôi việc đối với các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

2. Thẩm định hồ sơ, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chuyển ngạch, nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức thuộc diện Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

3. Thẩm định hồ sơ, lập danh sách báo cáo Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét có ý kiến việc nâng lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

4. Xây dựng kế hoạch tuyển dụng công chức trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Tổ chức tuyển dụng công chức vào làm việc tại các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức việc tuyển dụng công chức cấp xã.

5. Xây dựng kế hoạch thi nâng ngạch từ nhân viên lên cán sự và tương đương; từ nhân viên, cán sự và tương đương lên chuyên viên và tương đương trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Tổ chức thi nâng ngạch từ nhân viên lên cán sự và tương đương; từ nhân viên, cán sự và tương đương lên chuyên viên và tương đương theo quy định của pháp luật.

6. Quyết định tuyển dụng công chức sau khi có quyết định công nhận kết quả tuyển dụng công chức của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Quyết định bổ nhiệm vào ngạch công chức và xếp lương cho người đạt yêu cầu trong thời gian tập sự.

8. Quyết định bổ nhiệm ngạch công chức đối với công chức đạt yêu cầu trong kỳ thi nâng ngạch từ ngạch chuyên viên chính và tương đương trở xuống (trừ những đối tượng thuộc Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý).

9. Quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung đối với công chức (trừ những đối tượng thuộc Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý).

10. Điều động công chức; cán bộ, công chức cấp xã (trừ những đối tượng thuộc Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý):

a) Quyết định điều động công chức giữa các cơ quan hành chính cấp tỉnh; giữa các cơ quan hành chính cấp tỉnh và cấp huyện; giữa các cơ quan hành chính các huyện, thị xã, thành phố Huế.

b) Quyết định điều động công chức chuyển sang viên chức và viên chức chuyển sang công chức.

c) Quyết định xét chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức, viên chức cấp huyện, cấp tỉnh.

d) Quyết định điều động công chức ở cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện và cán bộ, công chức cấp xã đến nhận công tác tại các cơ quan thuộc khối Đảng, đoàn thể cấp tỉnh, cấp huyện sau khi có văn bản thỏa thuận của Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

đ) Quyết định điều động công chức các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện đến nhận công tác tại các tỉnh khác, riêng đối với công chức có học vị thạc sỹ, tiến sỹ thì phải có ý kiến của UBND tỉnh.

e) Có văn bản thỏa thuận để Ban Tổ chức Tỉnh ủy điều động công chức ở khối Đảng, đoàn thể cấp tỉnh, cấp huyện đến nhận công tác tại cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện.

11. Quyết định tiếp nhận cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước, công chức trong cơ quan, đơn vị của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân về công tác tại các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện.

12. Quyết định tiếp nhận công chức, viên chức; cán bộ, công chức cấp xã ở các tỉnh khác về công tác tại cơ quan hành chính cấp huyện, cấp tỉnh sau khi có ý kiến của cơ quan nơi công chức, viên chức công tác, cơ quan nơi công chức, viên chức chuyển đến.

13. Quyết định chuyển ngạch công chức khi công chức có thay đổi vị trí việc làm hoặc chuyên đổi vị trí công tác mà ngạch đang giữ không phù hợp với yêu cầu ngạch của vị trí việc làm mới (trừ đối tượng thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý).

14. Thống kê, tổng hợp báo cáo số lượng, chất lượng đội ngũ công chức theo quy định của Bộ Nội vụ.

15. Thanh tra, kiểm tra việc thi hành các quy định về quản lý cán bộ, công chức cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện.

16. Thẩm định hồ sơ theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc phê chuẩn kết quả bầu cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

17. Quyết định cho công chức thôi việc ngoài các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

18. Kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hủy bỏ các quyết định trái với quy định của pháp luật của các đơn vị về công tác tuyển dụng, quản lý, sử dụng cán bộ, công chức.

Điều 17. Nhiệm vụ và thẩm quyền của Giám đốc sở

1. Đăng ký nhu cầu tuyển dụng công chức gửi Sở Nội vụ tổng hợp lập kế hoạch tuyển dụng công chức.

2. Đề nghị Sở Nội vụ quyết định bổ nhiệm vào ngạch và xếp lương cho người đạt yêu cầu trong thời gian tập sự.

Trường hợp người tập sự không hoàn thành nhiệm vụ hoặc bị kỷ luật từ khiển trách trở lên trong thời gian tập sự thì đề nghị Giám đốc Sở Nội vụ ra quyết định hủy bỏ quyết định tuyển dụng.

3. Lập danh sách, hồ sơ cán bộ, công chức đủ điều kiện chuyển ngạch, nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung đề nghị Sở Nội vụ quyết định hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) xem xét quyết định đối với các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Quyết định điều động công chức giữa các cơ quan hành chính thuộc thẩm quyền quản lý.

5. Thống kê, báo cáo số lượng và chất lượng cán bộ, công chức thuộc phạm vi quản lý gửi về Sở Nội vụ định kỳ 6 tháng, năm.

6. Tổ chức việc nhận xét, đánh giá công chức hàng năm theo quy định; thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng, kỷ luật theo quy định.

7. Thực hiện việc lập hồ sơ và lưu giữ hồ sơ cá nhân của công chức thuộc phạm vi quản lý.

8. Giải quyết chính sách nghỉ hưu đối với công chức thuộc thẩm quyền quản lý và báo cáo về Sở Nội vụ theo dõi.

9. Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với công chức thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 18. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Đăng ký nhu cầu tuyển dụng công chức gửi Sở Nội vụ tổng hợp lập kế hoạch tuyển dụng công chức.

2. Đề nghị Sở Nội vụ quyết định bổ nhiệm vào ngạch và xếp lương cho người đạt yêu cầu trong thời gian tập sự.

Trường hợp người tập sự không hoàn thành nhiệm vụ hoặc bị kỷ luật từ khiئن trách trở lên trong thời gian tập sự thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị Giám đốc Sở Nội vụ ra quyết định huỷ bỏ quyết định tuyển dụng.

3. Tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã theo quy định của pháp luật.

4. Lập danh sách, hồ sơ cán bộ, công chức đủ điều kiện chuyển ngạch, nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung đề nghị Sở Nội vụ quyết định hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) xem xét quyết định đối với các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Quyết định điều động công chức giữa các cơ quan hành chính thuộc thẩm quyền quản lý.

6. Lập hồ sơ đề nghị phê chuẩn kết quả bầu cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) xem xét quyết định.

7. Thống kê, báo cáo số lượng và chất lượng cán bộ, công chức thuộc phạm vi quản lý gửi về Sở Nội vụ định kỳ 6 tháng, năm.

8. Tổ chức việc nhận xét, đánh giá công chức hàng năm theo quy định; thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng, kỷ luật theo quy định.

9. Thực hiện việc lập hồ sơ và lưu giữ hồ sơ cá nhân của công chức thuộc phạm vi quản lý.

10. Giải quyết chính sách nghỉ hưu đối với công chức thuộc thẩm quyền quản lý và báo cáo về Sở Nội vụ theo dõi.

11. Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với công chức thuộc thẩm quyền quản lý.

Chương V

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

Điều 19. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Căn cứ thông báo của Thường vụ Tỉnh ủy để quyết định:

a) Cử cán bộ, công chức giữ các chức vụ lãnh đạo khối nhà nước thuộc Tỉnh ủy quản lý tham dự các lớp bồi dưỡng, đào tạo đại học, sau đại học;

b) Cử cán bộ, công chức, viên chức trong danh sách quy hoạch các chức vụ lãnh đạo của tỉnh thuộc Tỉnh ủy quản lý đi đào tạo đại học, sau đại học.

2. Quyết định cử cán bộ, công chức giữ các chức vụ lãnh đạo thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh tham dự các lớp bồi dưỡng, đào tạo đại học, sau đại học;

Quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức trong danh sách quy hoạch các chức vụ lãnh đạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý đi đào tạo đại học, sau đại học.

3. Quyết định cử cán bộ, công chức đi đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu, học tập ở nước ngoài.

4. Quyết định cử cán bộ, công chức lãnh đạo khối nhà nước thuộc diện Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý tham dự các lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước trong kế hoạch hoặc đề án đào tạo đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 20. Nhiệm vụ và thẩm quyền của Giám đốc Sở Nội vụ

1. Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy thống kê trình độ chuyên môn của cán bộ, công chức toàn tỉnh trên cơ sở quy hoạch cán bộ của cơ quan, đơn vị để xây dựng phương án, đề án, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Tổ chức thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức theo kế hoạch hoặc đề án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; tổng hợp, báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức hàng năm gửi về Bộ Nội vụ để theo dõi.

3. Thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định:

a) Cử cán bộ, công chức đi đào tạo, bồi dưỡng đối với các chức danh lãnh đạo thuộc diện Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý;

b) Cử cán bộ, công chức, viên chức trong danh sách quy hoạch các chức vụ lãnh đạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý đi đào tạo đại học, sau đại học;

c) Cử cán bộ, công chức đi đào tạo, bồi dưỡng nghiên cứu, học tập ở nước ngoài.

4. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách đào tạo trong phạm vi thẩm quyền.

Điều 21. Nhiệm vụ và thẩm quyền của Giám đốc sở và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Xây dựng phương án, đề án, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của cơ quan, đơn vị trên cơ sở quy hoạch cán bộ của cơ quan, đơn vị, gửi về Sở Nội vụ để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ):

a) Cử cán bộ, công chức đi đào tạo, bồi dưỡng đối với công chức lãnh đạo thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

b) Cử cán bộ, công chức, viên chức trong danh sách quy hoạch các chức vụ lãnh đạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý đi đào tạo đại học, sau đại học;

c) Cử cán bộ, công chức đi đào tạo, bồi dưỡng nghiên cứu, học tập ở nước ngoài.

3. Quyết định cử cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền quản lý (trừ các chức danh, đối tượng quy định tại Khoản 2, Điều này); cán bộ, công chức, viên chức trong danh sách quy hoạch các chức vụ lãnh đạo thuộc các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý:

a) Đi tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ ở các cơ sở trong tỉnh, ngoài tỉnh và báo cáo danh sách (theo định kỳ 6 tháng đầu năm và cuối năm) gửi về Sở Nội vụ theo dõi, tổng hợp;

b) Đi đào tạo đại học, sau đại học ở trong nước;

c) Đi bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình chuyên viên; chuyên viên chính; chuyên viên cao cấp.

4. Quyết định cho phép cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền quản lý tự đi đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với công việc đang đảm nhiệm, nếu xét thấy hợp lý về thời gian và công việc.

5. Thực hiện chế độ, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng đối với công chức, viên chức theo quy định.

Chương VI **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 22. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm triển khai và có văn bản hướng dẫn các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân thành phố Huế, thị xã Hương Trà, thị xã Hương Thủy và các huyện tổ chức thực hiện Quy định này.

Điều 23. Giám đốc các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Huế, thị xã Hương Trà, thị xã Hương Thủy và các huyện chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện đúng nội dung theo Quy định này.

Điều 24. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Huế, thị xã Hương Trà, thị xã Hương Thủy và các huyện phản ánh kịp thời về Sở Nội vụ xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bổ sung, sửa đổi cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Cao